

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **334/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 07 - 9- 2023

V/v : “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2781/2023/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 375/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Kim H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: **K, tổ H, KP E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

Địa chỉ nơi ở hiện nay: **A, hẻm B, KP D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

- Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: **K, tổ H, KP E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

(Bà **H**, ông **T** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng bà **Võ Thị Kim H** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Lê Văn T** tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 16/03/2006. Sau khi kết hôn thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng bà không lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên vắng nhà, lo ăn chơi, đá gà, đánh đề, đánh bài. Bà đã nhiều lần cho cơ hội sửa đổi để hàn gắn gia đình nhưng ông **T** vẫn không sửa đổi, ông **T** vu khống bà có người đàn ông khác và có lời lẽ hăm dọa bà, bà **H**

khẳng định không có quen ai như ông T nói, đó chỉ là bạn bè bình thường, gần đây ông T còn chặn đường đánh bà. Bà Võ Thị Kim H có gọi báo Công an và được Công an kêu đi giám định nhưng do bà nghỉ đến con nên không làm. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T.

- **Về con chung:** Có 02 con chung: Lê Hoàng C, sinh ngày 21/05/2006 và Lê Quỳnh Gia H1, sinh ngày 29/07/2011. Ly hôn bà Võ Thị Kim H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và tạm thời không yêu cầu ông Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Bà Võ Thị Kim H trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về Nợ chung:** Bà Võ Thị Kim H cam kết vợ chồng bà không có nợ chung.

- **Về án phí:** Bà Võ Thị Kim H xin tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật

* Theo bản tự khai ngày 21/11/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2023 bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh xây dựng gia đình theo bà Võ Thị Kim H trình bày là đúng.

Quá trình chung sống ông thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau, từ khi vợ ông nộp đơn ly hôn đến nay 02 vợ chồng đã sống ly thân. Ông không đồng ý ly hôn lý do ông cho rằng vợ ông ngoại tình, ông sợ ly hôn vợ ông đưa người đàn ông đó về nhà thì con ông sẽ khổ.

- Về con chung: Có 02 con chung: Lê Hoàng C, sinh ngày 21/05/2006 và Lê Quỳnh Gia H1, sinh ngày 29/07/2011. Trong trường hợp ly hôn ông xin được nuôi cháu Lê Quỳnh Gia H1.

- Về tài sản chung: Ông Lê Văn T trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Văn T trình bày không có.

* Theo bản tự khai ngày 10/7/2023 cháu Lê Hoàng C, sinh ngày 21/05/2006 và cháu Lê Quỳnh Gia H1, sinh ngày 29/07/2011 trình bày ý kiến: nếu ba mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ là bà Võ Thị Kim H.

Sau khi thụ lý vụ án ông Lê Văn T có đến Tòa làm việc hai lần ghi lời khai rồi về. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng của bà Võ Thị Kim H và ông Lê Văn T, kết quả xác minh địa phương không biết do 02 vợ chồng khi xảy ra tranh chấp không báo cho địa phương. Tòa án đã nhiều lần niêm yết Thông báo, giấy triệu tập ông Lê Văn T đến Tòa án để lấy lời khai đối chất; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên toà xét xử nhưng ông Lê Văn T không đến Tòa án làm việc, hoà giải và xét xử.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Từ trình bày của bà Võ Thị Kim H và ông Lê Văn T thì thấy cuộc sống hôn nhân của bà Võ Thị Kim H và ông Lê Văn T không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng thường

xuyên cãi nhau, đã sống ly thân. Bà **Võ Thị Kim H** xin ly hôn ông **Lê Văn T**, ông **Lê Văn T** không đồng ý ly hôn vì con nhưng không đến Toà án để làm việc và hoà giải khi Toà mời lên làm việc, hoà giải. Toà án đã niêm yết quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng ông **Lê Văn T** vẫn vắng mặt không lý do. Vì các phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Võ Thị Kim H**. Các con bà **Võ Thị Kim H**, ông **Lê Văn T** gồm cháu **Lê Hoàng C**, sinh ngày 21/05/2006 và cháu **Lê Quỳnh Gia H1**, sinh ngày 29/07/2011. Ông **Lê Văn T** trình bày muốn nuôi cháu **Lê Quỳnh Gia H1**. Hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ và bà **Võ Thị Kim H** cũng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Xét nguyện vọng của 02 cháu **Lê Quỳnh Gia H1**, **Lê Hoàng C** và yêu cầu của bà **Võ Thị Kim H**, xét thấy ông **Lê Văn T** chỉ trình bày rồi bỏ mặc vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu cháu **Lê Hoàng C**, sinh ngày 21/05/2006 và **Lê Quỳnh Gia H1**, sinh ngày 29/07/2011 cho bà **Võ Thị Kim H** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời ông **Lê Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con. bà **Võ Thị Kim H** và ông **Lê Văn T** khai nợ chung không có. Về tài sản chung bà **Võ Thị Kim H** và ông **Lê Văn T** nêu tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung của bà **Võ Thị Kim H** và ông **Lê Văn T** trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **Lê Văn T** đầy đủ, ông **Lê Văn T** sau khi nộp bản tự khai thì không đến Tòa án làm việc nữa. Để đảm bảo thủ tục tố tụng, Tòa án và Chính quyền địa phương đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tổng đạt trực tiếp cho ông **Lê Văn T** được và niêm yết: “Giấy triệu tập”, “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ” tại địa chỉ nơi ông **Lê Văn T** cư trú, tại trụ sở **UBND phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** và trụ sở Tòa án đúng thời hạn luật định nhưng ông **Lê Văn T** vẫn không đến Tòa án làm việc. Do ông **Lê Văn T** đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt ông **Lê Văn T** cũng đã được tiến hành niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, ông **Lê Văn T** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông **Lê Văn T** vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Lê Văn T** theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà **Võ Thị Kim H** có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **Trần Thị T1**.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa bà **Võ Thị Kim H** và ông **Lê Văn T** là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì ông, bà lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Qua trình bày của bà **Võ Thị Kim H**, ông **Lê Văn T** xét thấy cuộc sống chung của bà **Võ Thị Kim H** và ông **Lê Văn T** không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, hai vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay nên bà **Võ Thị Kim H** xin được ly hôn với ông **Lê Văn T**. Tại bản tự khai ông **Lê Văn T** cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, ông cho rằng bà **H** ngoại tình nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Ông **Lê Văn T** có hành vi chặn đường đánh bà **Võ Thị Kim H**. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà **Võ Thị Kim H** và ông **Lê Văn T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận đã không đạt được. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên yêu cầu của bà **Võ Thị Kim H** về việc xin ly hôn với ông **Lê Văn T** là có cơ sở chấp nhận. Từ lý do trên, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà **Võ Thị Kim H**, cho bà **Võ Thị Kim H** được ly hôn với ông **Lê Văn T**.

[2] Về con chung: Bà **Võ Thị Kim H** và ông **Lê Văn T** có 02 con chung là cháu **Lê Hoàng C**, sinh ngày 21/05/2006 và cháu **Lê Quỳnh Gia H1**, sinh ngày 29/07/2011. Cả 02 cháu có nguyện vọng ở với mẹ và bà **Võ Thị Kim H** cũng xin được trực tiếp nuôi cả 02 con, ông **Lê Văn T** xin nuôi cháu **Lê Quỳnh Gia H1** nhưng do cháu **H1** có nguyện vọng ở cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu **Lê Hoàng C** và cháu **Lê Quỳnh Gia H1** cho bà **Võ Thị Kim H** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do bà **Võ Thị Kim H** không yêu cầu nên ông **Lê Văn T** tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà **Võ Thị Kim H** và ông **Lê Văn T** nêu tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung của bà **Võ Thị Kim H** và ông **Lê Văn T** trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Bà **Võ Thị Kim H** và ông **Lê Văn T** khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn: Bà **Võ Thị Kim H** phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình 1986; áp dụng khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 119 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Võ Thị Kim H.** Bà **Võ Thị Kim H** được ly hôn với ông **Lê Văn T.**

2. Về con chung: Có 02 con chung là: cháu **Lê Hoàng C**, sinh ngày 21/05/2006 và cháu **Lê Quỳnh Gia H1**, sinh ngày 29/07/2011. Giao cả 02 con cho bà **Võ Thị Kim H** được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời ông **Lê Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **Lê Văn T** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà **Võ Thị Kim H** phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà **Võ Thị Kim H** đã nộp theo biên lai thu số 0004440, ngày 20/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà **Võ Thị Kim H** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bà **Võ Thị Kim H**, ông **Lê Văn T** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Bửu Hoà, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 16/03/2006);
- Chi cục T.H.A. dân sự thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Hồng Ngọc